

Số: 149 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 31/01/2022 đến 16h00 ngày 01/02/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Trong 24 giờ qua, thế giới có thêm trên 2,2 triệu ca nhiễm mới và 8 nghìn ca tử vong, nâng tổng ca bệnh vượt mốc 379 triệu ca.

Với 696.130 ca nhiễm mới ghi nhận ngày 31/1, Mỹ đã ghi nhận mức giảm mạnh 38% số ca nhiễm mới trong tuần qua, với trên 2,95 triệu ca mới, so 4,75 triệu ca của tuần trước nữa. Số ca tử vong tại Mỹ vẫn dẫn đầu thế giới, với 15.221 ca, tăng 5%.

Tình hình dịch bệnh tại châu Âu vẫn rất phức tạp với Pháp có thêm 249.448 ca nhiễm mới trong 24 giờ qua, Nga có thêm 121.228 ca, Đức có thêm 109.029 ca, Italy có thêm 104.065 ca... Như vậy, trong một tuần qua, châu Âu ghi nhận tổng cộng hơn 10,39 triệu ca mắc mới, chiếm gần một nửa số ca mắc toàn cầu, trong khi cũng có thêm 20.327 ca tử vong, giảm nhẹ 0,8% so với một tuần trước.

Theo hãng tin Reuters ngày 31/1, biến thể của Omicron có khả năng lây nhiễm cao, dạng phổ biến nhất được gọi là BA.1, đang chiếm gần như tất cả các trường hợp nhiễm COVID-19 trên toàn cầu với số ca nhiễm đã tăng đột biến ở một vài quốc gia.

Các nhà khoa học đang theo dõi sự gia tăng các trường hợp nhiễm biến thể phụ của BA.1, được gọi là BA.2, ở các khu vực châu Âu và châu Á. Theo Tổ chức Y tế Thế giới, một số quốc gia đang báo cáo sự gia tăng gần đây của biến thể BA.2. Ngoài BA.1 và BA.2, WHO liệt kê hai biến thể khác của Omicron gồm BA.1.1.529 và BA.3. Tất cả đều có liên quan chặt chẽ về mặt di truyền, nhưng mỗi loại đều có các đột biến có thể thay đổi cách chúng hoạt động.

Các chuyên gia theo dõi sự phát triển của virus SARS-CoV-2 cho biết, BA.2 chiếm khoảng 82% các trường hợp nhiễm ở Đan Mạch, 9% ở Anh và 8% tại Mỹ. Cũng giống như các biến thể khác, ca lây nhiễm bởi BA.2 có thể được phát hiện bằng bộ xét nghiệm COVID-19 tại nhà, mặc dù chúng không thể chỉ ra tình trạng mắc bệnh là do biến thể nào. Một số báo cáo ban đầu chỉ ra rằng, BA.2 có thể gây lây nhiễm cao hơn BA.1 vốn đã cực kỳ dễ lây lan. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có bằng chứng nào cho thấy, nó có nhiều khả năng tránh được sự bảo vệ từ vaccine.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 01/02/2022, cả nước ghi nhận 2.286.750 ca mắc, trong đó 2.281.289 ca trong nước. Đến nay đã có 2.062.058 người khỏi bệnh, 37.777 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 2.283.898 ca, trong đó có 2.279.719 ca trong

nước (99,8%), 2.059.241 người đã khỏi bệnh (90,2%), 37.742 tử vong tại 57 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 11.023 ca mắc mới, trong đó 11.011 ca ghi nhận trong nước (giảm 1.626 ca so với ngày trước đó) tại 55 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.705), Đà Nẵng (783), Hải Phòng (496), Quảng Nam (475), Bình Định (444), Thanh Hóa (412), Phú Thọ (388), Hưng Yên (355), Bắc Ninh (342), Nam Định (330), Hải Dương (293), Nghệ An (270), Thái Nguyên (246), Hòa Bình (229), Bắc Giang (229), Vĩnh Phúc (207), Thái Bình (198), Ninh Bình (177), Lâm Đồng (173), Hà Nam (160), Hồ Chí Minh (155), Bình Phước (154), Quảng Ninh (116), Quảng Bình (112), Lào Cai (106), Tây Ninh (105), Quảng Trị (98), Tuyên Quang (94), Cà Mau (93), Bến Tre (87), Hà Giang (85), Thừa Thiên Huế (84), Phú Yên (82), Sơn La (82), Quảng Ngãi (59), Đắk Nông (52), Kiên Giang (49), Điện Biên (44), Bà Rịa - Vũng Tàu (43), Lai Châu (42), Khánh Hòa (42), Yên Bái (40), Hậu Giang (39), Bạc Liêu (37), Vĩnh Long (37), Long An (32), Bình Dương (29), Trà Vinh (27), Đồng Nai (21), Cao Bằng (15), Đồng Tháp (11), Bình Thuận (11), An Giang (10), Cần Thơ (4), Tiền Giang (2).

+ Có 12 ca nhập cảnh ghi nhận tại Bà Rịa - Vũng Tàu (4), Quảng Trị (2), Tây Ninh (2), Hải Dương (1), Nghệ An (1), Bình Định (1), An Giang (1).

- TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.705 ca mắc, trong đó 522 ca sàng lọc tại cơ sở y tế, 1.354 ca tầm soát trong cộng đồng và 829 ca trong khu cách ly. Số mắc mới (2.705 ca) được phân bố tại 26 quận, huyện như sau: Bắc Từ Liêm 304, Hoàng Mai 274, Đông Anh 223, Cầu Giấy 202, Hoài Đức 201, Nam Từ Liêm 178, Đống Đa 167, Thanh Trì 143, Gia Lâm 140, Long Biên 139, Thanh Oai 138, Hà Đông 112, Thanh Xuân 95, Tây Hồ 94, Ba Đình 79, Hai Bà Trưng 64, Thường Tín 56, Hoàn Kiếm 42, Phú Xuyên 14, Đan Phượng 11, Sóc Sơn 3, Ứng Hòa 3, Chương Mỹ 2, Thạch Thất 1, Mê Linh 1, Quốc Oai 1 và 18 ca đang điều tra.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Bắc Ninh (giảm 439), Kon Tum (giảm 288), Nam Định (giảm 144).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Bình Định (tăng 89), Quảng Nam (tăng 72), Lào Cai (tăng 48).

- Đến nay Việt Nam đã ghi nhận 185 ca mắc COVID-19 do biến thể Omicron tại 14 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh (92), Quảng Nam (27), Quảng Ninh (20), TP. Hà Nội (14), Khánh Hòa (11), Đà Nẵng (8), Kiên Giang (4), Thanh Hóa (2), Hải Dương (1), TP. Hải Phòng (1), Long An (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bình Dương (1), Lâm Đồng (1), Ninh Bình (1).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 7.303 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 66,3% tổng số mắc trong ngày), giảm 1.214 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Bình Dương: Trong ngày ghi nhận 29 ca cộng đồng (tăng 10 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 292.688 ca.

+ Tỉnh Kiên Giang: Trong ngày ghi nhận 38 ca cộng đồng (giảm 34 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 33.290 ca.

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 1.876 ca cộng đồng (tăng 6 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 134.223 ca.

+ TP. Đà Nẵng: Trong ngày ghi nhận 565 ca cộng đồng (giảm 69 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 33.284 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Bắc Ninh tăng 2.439 ca, Quảng Nam tăng 1.242 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Bến Tre (giảm 2.292 ca), Quảng Ngãi (giảm 1.646 ca), TP. Đà Nẵng (giảm 1.421 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 2.059.241 người đã khỏi bệnh (90,2%), tăng 39.608 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 186.915 trường hợp, trong đó có 3.315 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 2.349; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 451; (3) Thở máy không xâm lấn: 111; (4) Thở máy xâm lấn: 390; (5) EMO: 14.

- Trong ngày 31/01, ghi nhận 109 trường hợp tử vong (giảm 12 trường hợp so với ngày trước đó), gồm:

+ Tại TP. Hồ Chí Minh (4) trong đó có 1 ca từ Long An chuyển đến.

+ Tại các tỉnh, thành phố khác: Hà Nội (20), Vĩnh Long (8), Hậu Giang (6), Kiên Giang (6), Tây Ninh (6), Đồng Tháp (5), Bình Định (4), Bình Dương (4), Hải Phòng (4), Sóc Trăng (4), Bình Thuận (3), Cà Mau (3), Đắk Nông (3), Lâm Đồng (3), Bà Rịa - Vũng Tàu (2), Bình Phước (2), Đà Nẵng (2), Đồng Nai (2), Khánh Hòa (2), Thái Bình (2), Thừa Thiên Huế (2), An Giang (1), Hải Dương (1), Lạng Sơn (1), Long An (1), Nam Định (1), Ninh Bình (1), Quảng Bình (1), Quảng Ngãi (1), Quảng Ninh (1), Tiền Giang (1), Trà Vinh (1), Yên Bái (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Ngày 31/01/2022, Bộ Y tế ban hành Quyết định số 261/QĐ-BYT về hướng dẫn quản lý người mắc COVID-19 tại nhà.

- Tiếp tục chỉ đạo các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai chiến dịch tiêm chủng mùa Xuân trên địa bàn đảm bảo hiệu quả và an toàn, tiêm chủng theo đúng số lượng vaccine phòng COVID-19 đã được cấp, không được để lãng phí vaccine.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống dịch COVID-19, các địa phương không được tự đặt ra yêu cầu, quy định về phòng, chống dịch trái với quy định của Trung ương và hướng dẫn của Bộ Y tế. Yêu cầu các cơ sở y tế thực hiện nghiêm chế độ trực Tết; bảo đảm đầy đủ thuốc, sinh phẩm, trang thiết bị và lực lượng cán bộ, nhân viên y tế sẵn sàng phục vụ cho công tác phòng, chống dịch COVID-19 và khám, chữa bệnh cho người dân trong dịp Tết.

- Bộ Y tế tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do chủng mới Omicron gây ra; thường xuyên trao đổi với Tổ chức Y tế thế giới để cập nhật thông tin, kịp thời, chính xác về biến chủng này; Chỉ đạo các địa phương tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch; đặc biệt công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về phòng, chống dịch.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 31/01/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 37.957.209 mẫu cho 80.980.777 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 32.222.864 mẫu tương đương 77.232.838 lượt người, tăng 18.230 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.795.579 mẫu gộp cho 47.926.402 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 31/01/2022 là 213.663.114 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	32.863.320	12.927.860	19.549.060	386.400	63.190.356
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	107.336.948	51.024.460	29.449.090	26.863.398	213.663.114
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						195.966.966
III	Số vắc xin chưa phân bổ						17.696.148

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 213,7 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 196 triệu liều; còn khoảng 17,7 triệu liều¹ chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 31/01/2022

Cả nước đã tiêm 181.431.371 liều (*trong ngày tiêm được 145.079 liều*), tỷ lệ sử dụng đạt 92,6% số vắc xin phân bổ 123 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

¹ 17,7 triệu liều chưa phân bổ gồm: 9,1 triệu liều Pfizer mua; 0,5 triệu liều AstraZeneca mua; 1,4 triệu liều AstraZeneca do Úc viện trợ; 0,1 triệu liều Sputnik Light do Nga viện trợ; 0,5 triệu liều Sinopharm do Trung Quốc viện trợ; 4,6 triệu liều Moderna và 1,4 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi) ²	100,0%	96,5%	24,1%
Trẻ em (12-17 tuổi)	94,9%	87,6%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 165.183.665 liều:

+ Mũi 1: 70.627.468 liều

+ Mũi 2: 67.801.092 liều³; Mũi bổ sung: 10.200.129 liều.

+ Mũi 3: 16.554.976 liều

52/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

11/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 82% - dưới 90%⁴.

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 16.247.706 liều:

+ Mũi 1: 8.446.380 liều

+ Mũi 2: 7.801.326 liều.

37/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 80-dưới 90%⁵.

10/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 23% - dưới 80%⁶.

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Trong thời gian tới, với nhu cầu đi lại trong dịp Tết Nguyên đán và mùa lễ hội năm 2022, có thể sẽ tiếp tục ghi nhận nhiều chuỗi lây nhiễm và tiềm ẩn nguy cơ lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, kể cả biến chủng Omicron và thậm chí có thể sẽ có những biến thể mới khác ngoài Omicron, trong bối cảnh dần mở cửa các hoạt động xã hội, phát triển kinh tế trở lại sẽ làm gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao mắc bệnh nặng (người già, người có bệnh nền).

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Cấp ủy, chính quyền các địa phương phối hợp, tham gia đón người dân từ các nơi trở về an toàn, không ngăn sông cấm chợ; đề cao ý thức người dân trong

² Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên, các địa phương đang tiến hành rà soát và cập nhật lại đối tượng. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có)

³ Bao gồm 1.434.167 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày

⁴ Thanh Hóa, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hòa Bình, Cao Bằng, Sơn La, Điện Biên, Phú Yên, Tây Ninh, Trà Vinh, Bình Dương.

⁵ Hải Phòng, Bắc Giang, Phú Thọ, Hải Dương, Nghệ An, Lai Châu, Hà Giang, Lào Cai, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Gia Lai, TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Tây Ninh, Cần Thơ, Kiên Giang.

⁶ Bắc Kạn, Sơn La, Điện Biên, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Thuận, Đắk Lắk, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bình Dương

phòng, chống dịch dịp Tết, đề nghị người dân di chuyển về địa phương bảo đảm an toàn trật tự, thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định; kịp thời chấn chỉnh việc áp dụng các biện pháp phòng, chống dịch không phù hợp.

2. Hướng dẫn người dân về quê nhân dịp Tết Nguyên đán thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 gồm thực hiện 5K, tự theo dõi sức khỏe, không phải cách ly y tế; nếu có biểu hiện nghi ngờ mắc COVID-19 như sốt, ho, khó thở... thì hạn chế tiếp xúc và hạn chế đi lại, thông báo ngay cho y tế địa phương để được hướng dẫn, xét nghiệm SARS-COV-2 và xử trí theo quy định.

3. Về công tác y tế: (1) Tổ chức chiến dịch tiêm chủng vắc xin thần tốc mùa xuân năm 2022 theo tinh thần làm xuyên Tết, "đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người", bảo đảm an toàn, khoa học, hiệu quả theo hướng dẫn của Bộ Y tế; phấn đấu trong quý I/2022 hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người trên 18 tuổi, bảo đảm tiêm hết cho người cao tuổi, người có bệnh nền, lực lượng tuyến đầu, công nhân lao động trong các khu công nghiệp cho những người có đủ điều kiện tiêm chủng. (2) Tiếp tục chủ động bám sát diễn biến tình hình dịch do biến chủng Omicron gây ra; tăng cường giám sát, quản lý các trường hợp nhập cảnh từ nước ngoài, đặc biệt các trường hợp đi/đến các quốc gia, khu vực đã ghi nhận biến chủng mới; chuẩn bị các phương án về vắc xin, thuốc điều trị và các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với biến chủng mới của SARS-CoV-2. (3) Chuẩn bị đủ các vật tư thiết bị y tế và đặc biệt là dự trữ oxy phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19.

4. Tiểu ban An toàn trật tự xã hội phòng, chống dịch COVID-19 Bộ Công an tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai và hoàn thành công tác trọng tâm bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ phòng, chống dịch bệnh dịp Tết Nguyên đán 2022.

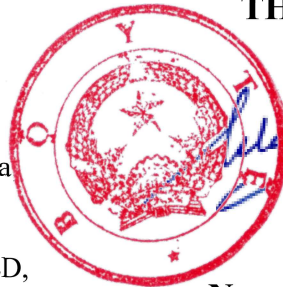
5. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội; chung tay chăm lo để mọi người đều có một cái Tết ấm no, hạnh phúc, bù đắp lại những khó khăn, vất vả do dịch bệnh và vận động người dân sớm trở lại làm việc sau kỳ nghỉ, phối hợp đưa người lao động trở lại các thành phố lớn...; triển khai kế hoạch cụ thể đưa học sinh trở lại học tập trực tiếp tại trường, bảo đảm an toàn phòng, chống dịch.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 31/01	Số mắc ngày 01/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 01/02	Số tử vong tích lũy đến 31/01
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		12.637	11.011	-1.626	2.279.517	37.742
1	Hồ Chí Minh	166	155	-11	514.047	20.339
2	Bình Dương	21	29	8	292.688	3.378
3	Hà Nội	2.728	2.705	-23	134.223	508
4	Đồng Nai	8	21	13	99.910	1.662
5	Tây Ninh	111	105	-6	88.284	823
6	Khánh Hòa	62	42	-20	61.549	272
7	Cà Mau	99	93	-6	56.056	283
8	Vĩnh Long	41	37	-4	53.414	689
9	Đồng Tháp	18	11	-7	47.373	914
10	Bình Phước	189	154	-35	46.252	160
11	Cần Thơ	12	4	-8	44.376	867
12	Bến Tre	87	87	0	41.706	355
13	Long An	14	32	18	41.678	978
14	Bắc Ninh	781	342	-439	38.900	53
15	Trà Vinh	25	27	2	37.912	229
16	An Giang	20	10	-10	35.554	1.294
17	Tiền Giang		2	2	35.335	1.207
18	Bạc Liêu	41	37	-4	35.240	359
19	Kiên Giang	94	49	-45	33.290	796
20	Đà Nẵng	877	783	-94	33.284	117
21	Bình Định	355	444	89	33.058	125
22	Sóc Trăng			0	32.243	558
23	Hải Phòng	552	496	-56	31.263	56
24	BRVT	26	43	17	30.928	397
25	Bình Thuận	51	11	-40	29.360	384
26	T.T.Huế	207	84	-123	21.658	130
27	Thanh Hóa	432	412	-20	21.364	15
28	Hung Yên	381	355	-26	18.573	2
29	Lâm Đồng	198	173	-25	16.435	55
30	Đắc Lắc			0	16.095	85
31	Hậu Giang	30	39	9	15.940	179
32	Bắc Giang	340	229	-111	15.646	17
33	Quảng Nam	403	475	72	15.582	25
34	Quảng Ngãi	61	59	-2	14.611	38
35	Nghệ An	343	270	-73	14.463	39
36	Quảng Ninh	148	116	-32	12.745	8
37	Hà Giang	87	85	-2	12.151	29
38	Hải Dương	404	293	-111	11.786	18
39	Nam Định	474	330	-144	11.615	15
40	Vĩnh Phúc	260	207	-53	11.012	8

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 31/01	Số mắc ngày 01/02	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 01/02	Số tử vong tích lũy đến 31/01
41	Phú Yên	79	82	3	10.249	59
42	Gia Lai			0	10.020	29
43	Phú Thọ	348	388	40	9.305	10
44	Hòa Bình	235	229	-6	8.814	23
45	Đắk Nông	51	52	1	8.458	25
46	Thái Nguyên	227	246	19	8.141	5
47	Thái Bình	266	198	-68	7.714	2
48	Ninh Thuận	18		-18	6.882	56
49	Quảng Bình	96	112	16	6.471	8
50	Hà Nam	159	160	1	5.939	3
51	Quảng Trị	85	98	13	4.815	6
52	Sơn La	91	82	-9	4.345	0
53	Lạng Sơn			0	4.328	13
54	Ninh Bình	180	177	-3	4.187	15
55	Tuyên Quang	75	94	19	3.638	1
56	Lào Cai	58	106	48	3.578	5
57	Yên Bái	70	40	-30	2.882	4
58	Kon Tum	288		-288	2.829	0
59	Hà Tĩnh			0	2.730	6
60	Điện Biên	53	44	-9	2.468	1
61	Cao Bằng	21	15	-6	1.845	2
62	Lai Châu	34	42	8	1.164	0
63	Bắc Kạn	57		-57	1.116	3
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	12.637	11.011	-1.626	2.279.719	37.742

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 31/01/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bố 123 đợt
1	Hà Nội	16.644.142	6.210.407	5.941.819	0	234.723	2.531.560	695.493	669.411	16.283.413	97,8%
2	Hải Phòng	4.230.320	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	84,5%
3	Thái Bình	2.910.940	1.150.524	1.186.544	96.673	192.450	223.682	150.028	141.719	3.141.620	107,9%
4	Nam Định	2.768.360	1.135.510	1.110.291	0	54.967	103.027	153.675	135.711	2.693.181	97,3%
5	Hà Nam	1.699.760	580.669	569.972	0	263.541	133.875	70.946	69.103	1.688.106	99,3%
6	Ninh Bình	1.622.960	636.194	654.320	0	154.521	84.838	82.166	76.925	1.688.964	104,1%
7	Thanh Hoá	6.813.480	2.308.654	2.135.637	228.432	232.808	70.840	282.308	274.147	5.532.826	81,2%
8	Bắc Giang	3.616.480	1.302.621	1.284.457	0	99.744	717.195	149.488	148.929	3.702.434	102,4%
9	Bắc Ninh	3.012.450	1.128.285	1.070.834	0	356.670	280.187	115.274	107.929	3.059.179	101,6%
10	Phú Thọ	2.225.740	972.339	875.552	0	162.012	50.297	124.912	107.794	2.292.906	103,0%
11	Vĩnh Phúc	2.193.070	779.951	701.678	0	139.384	116.490	108.055	106.413	1.951.971	89,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 123 đợt
12	Hải Đương	3.214.630	1.321.429	1.246.669	4.595	84.757	286.818	157.247	146.161	3.247.676	101,0%
13	Hưng Yên	2.352.762	820.090	790.929	0	97.673	102.162	109.641	107.204	2.027.699	86,2%
14	Thái Nguyên	2.312.690	909.636	832.637	12.792	156.434	119.778	107.990	105.970	2.245.237	97,1%
15	Bắc Cạn	565.100	212.856	198.097	0	5.234	15.018	20.388	6.108	457.701	81,0%
16	Quảng Ninh	3.125.858	988.368	931.017	0	21.625	744.039	119.421	110.336	2.914.806	93,2%
17	Hoà Bình	1.616.610	540.659	501.876	0	26.692	4.972	75.444	71.462	1.221.105	75,5%
18	Nghệ An	5.478.880	1.978.184	1.961.775	499.033	231.703	233.049	281.138	241.970	5.426.852	99,1%
19	Hà Tĩnh	2.250.650	798.352	725.504	0	165.733	81.735	112.855	106.866	1.991.045	88,5%
20	Lai Châu	755.270	254.289	242.282	0	90.428	42.978	52.632	46.931	729.540	96,6%
21	Lạng Sơn	1.543.890	499.399	484.889	0	0	235.126	66.486	62.735	1.348.635	87,4%
22	Tuyên Quang	1.354.160	486.993	467.519	0	35.763	141.026	70.237	67.026	1.268.564	93,7%
23	Hà Giang	1.572.780	479.139	452.892	214	70.522	147.902	86.340	72.936	1.309.945	83,3%
24	Cao Bằng	870.380	346.998	320.366	0	64.363	67.659	45.260	40.834	885.480	101,7%
25	Yên Bái	1.595.860	512.100	495.646	0	254.408	124.894	78.796	75.309	1.541.153	96,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 123 đợt
26	Lào Cai	1.483.760	460.461	442.098	0	217.115	68.701	78.934	71.772	1.339.081	90,2%
27	Sơn La	1.706.930	775.679	670.622	1.569	0	98.381	95.449	108.526	1.750.226	102,5%
28	Điện Biên	1.115.500	330.098	300.837	0	126.470	68.712	72.701	54.023	952.841	85,4%
Cộng miền Bắc		80.653.412	29.579.314	28.122.066	843.308	3.580.909	6.944.292	3.715.346	3.482.454	76.267.689	94,6%
29	Quảng Bình	1.384.770	528.930	507.560	0	46.537	53.221	79.010	60.213	1.275.471	92,1%
30	Quảng Trị	1.222.182	428.570	411.757	9.938	46.331	55.416	61.070	48.518	1.061.600	86,9%
31	TT- Huế	2.294.176	785.406	754.103	0	219.446	141.069	102.378	98.626	2.101.028	91,6%
32	Tp. Đà Nẵng	2.133.682	861.311	850.754	0	84.305	130.568	100.536	98.437	2.125.911	99,6%
33	Quảng Nam	2.902.400	1.038.308	1.011.151	28.204	191.637	58.016	128.972	128.285	2.584.573	89,0%
34	Quảng Ngãi	2.463.394	846.383	787.666	0	50.476	103.192	112.133	110.572	2.010.422	81,6%
35	Bình Định	2.798.680	1.045.207	1.003.457	51.499	182.454	112.110	140.576	132.109	2.667.412	95,3%
36	Phú Yên	1.602.454	620.036	581.366	0	17.698	94.457	84.606	78.083	1.476.246	92,1%
37	Khánh Hòa	2.835.860	973.217	940.890	0	360.251	278.212	116.519	115.494	2.784.583	98,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 123 đợt
38	Ninh Thuận	1.236.810	429.822	396.866	0	107.298	57.358	59.713	54.468	1.105.525	89,4%
39	Bình Thuận	2.665.820	904.831	868.092	7.207	188.513	55.534	118.156	76.842	2.219.175	83,2%
Cộng miền Trung		23.540.228	8.462.021	8.113.662	96.848	1.494.946	1.139.153	1.103.669	1.001.647	21.411.946	91,0%
40	Kon Tum	984.090	319.284	311.264	6.894	74.119	35.975	58.759	54.855	861.150	87,5%
41	Gia Lai	2.602.452	984.465	887.265	71.411	53.909	119.586	166.399	141.650	2.424.685	93,2%
42	Đắk Lắk	3.255.460	1.252.832	1.174.563	0	389.953	105.826	177.889	161.658	3.262.721	100,2%
43	Đắk Nông	1.215.940	402.415	395.022	0	144.731	58.636	67.958	65.117	1.133.879	93,3%
Cộng Tây Nguyên		8.057.942	2.958.996	2.768.114	78.305	662.712	320.023	471.005	423.280	7.682.435	95,3%
44	TP. HCM	20.655.820	7.454.469	6.769.671	12.340	738.285	3.842.325	721.107	704.106	20.242.303	98,0%
45	BR-VT	2.601.240	968.835	890.175	0	0	395.428	110.427	108.834	2.473.699	95,1%
46	Đồng Nai	6.233.240	2.715.339	2.339.622	0	123.650	275.465	177.393	129.099	5.760.568	92,4%
47	Tiền Giang	3.707.690	1.319.817	1.278.124	138.417	91.287	396.845	156.482	149.015	3.529.987	95,2%
48	Long An	4.078.390	1.499.584	1.450.761	30	17.372	836.539	170.778	153.125	4.128.189	101,2%
49	Lâm Đồng	2.943.304	976.879	953.563	0	395.437	92.455	136.650	117.763	2.672.747	90,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 123 đợt
50	Tây Ninh	2.565.460	872.889	825.859	10.161	25.680	325.421	89.125	87.277	2.236.412	87,2%
51	Cần Thơ	2.790.818	942.688	937.343	5.890	309.874	179.672	108.566	100.674	2.584.707	92,6%
52	Sóc Trăng	2.628.960	887.380	851.673	0	472.841	10.887	116.852	109.087	2.448.720	93,1%
53	An Giang	3.977.092	1.358.942	1.338.752	184.133	408.033	165.839	202.752	185.332	3.843.783	96,6%
54	Bến Tre	2.962.480	1.020.795	996.440	0	406.338	140.140	106.936	102.566	2.773.215	93,6%
55	Trà Vinh	2.053.270	787.383	576.885	0	19.336	336.513	85.371	78.647	1.884.135	91,8%
56	Vĩnh Long	2.316.120	775.603	754.175	0	264.302	187.915	91.343	86.626	2.159.964	93,3%
57	Đồng Tháp	3.504.710	1.125.551	1.164.445	148	265.221	68.335	144.649	115.048	2.883.397	82,3%
58	Bình Dương	6.084.450	2.379.843	1.939.931	0	22.061	236.033	186.968	141.929	4.906.765	80,6%
59	Bình Phước	2.203.780	751.136	716.190	0	148.084	65.231	109.584	100.949	1.891.174	85,8%
60	Kiên Giang	3.566.150	1.238.102	1.147.310	64.587	0	151.026	166.403	156.105	2.923.533	82,0%
61	Cà Mau	2.397.190	818.765	808.584	0	377.595	102.379	112.461	111.262	2.331.046	97,2%
62	Bạc Liêu	1.604.190	567.139	555.746	0	170.748	98.782	88.471	85.436	1.566.322	97,6%
63	Hậu Giang	1.479.590	531.492	510.624	0	205.418	65.364	74.042	71.065	1.458.005	98,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin được phân bổ 123 đợt
	Cộng miền Nam	80.353.944	28.992.631	26.805.873	415.706	4.461.562	7.972.594	3.156.360	2.893.945	74.698.671	93,0%

Ghi chú:

- 3.698.970 liều vắc xin Pfizer đợt 121, 122 có Quyết định phân bổ ngày 24/01/2022; 1.732.180 liều vắc xin AstraZeneca đợt 123 có Quyết định phân bổ ngày 28/01/2022, hầu hết các địa phương đang tiếp nhận vắc xin, chưa triển khai tiêm chủng.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 64.090 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.646.220 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.248.674 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 154.671 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 121.956 liều, trong đó có 59.902 mũi 1, 37.811 mũi 2 và 24.243 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 872.000 liều).

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 31/01/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	46,5%	100,0%	99,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	3,4%	90,5%	88,2%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,4%	95,3%	18,0%	100,0%	94,5%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,0%	95,8%	8,9%	100,0%	93,6%
5	Hà Nam	612.219	72.258	94,8%	93,1%	21,9%	98,2%	95,6%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	98,3%	12,7%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.389.774	282.970	96,6%	89,4%	3,0%	99,8%	96,9%
8	Bắc Giang	1.322.538	168.720	98,5%	97,1%	54,2%	88,6%	88,3%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,4%	93,4%	24,4%	98,8%	92,5%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	96,2%	86,6%	5,0%	97,0%	83,7%
11	Vĩnh Phúc	789.896	113.795	98,7%	88,8%	14,7%	95,0%	93,5%
12	Hải Dương	1.331.799	166.013	99,2%	93,6%	21,5%	94,7%	88,0%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,3%	95,8%	12,4%	97,2%	95,0%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	99,1%	90,7%	13,0%	100,0%	98,2%
15	Bắc Cạn	216.218	26.267	98,4%	91,6%	6,9%	77,6%	23,3%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	96,9%	91,3%	72,9%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	94,8%	88,0%	0,9%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	11,9%	100,0%	88,2%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	91,2%	10,3%	97,8%	92,6%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,3%	92,7%	16,4%	100,0%	89,3%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	98,6%	95,8%	46,4%	100,0%	95,4%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	95,8%	28,9%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	97,8%	92,4%	30,2%	96,0%	81,1%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	94,0%	86,8%	18,3%	100,0%	92,3%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	97,1%	24,5%	99,5%	95,1%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	99,3%	15,4%	98,8%	89,8%
27	Sơn La	786.097	141.408	98,7%	85,3%	12,5%	67,5%	76,7%
28	Điện Biên	336.229	74.737	98,2%	89,5%	20,4%	97,3%	72,3%
Cộng miền Bắc		29.064.644	3.802.329	100,0%	96,8%	23,9%	97,7%	91,6%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	97,6%	93,7%	9,8%	99,3%	75,7%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,5%	90,8%	12,2%	87,6%	69,6%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	96,7%	18,1%	99,3%	95,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,3%	96,1%	14,8%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,6%	93,1%	5,3%	91,9%	91,4%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	99,3%	92,4%	12,1%	97,6%	96,3%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	93,7%	90,0%	10,1%	95,9%	90,2%
36	Phú Yên	678.954	86.632	91,3%	85,6%	13,9%	97,7%	90,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	98,7%	29,2%	90,7%	89,9%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	94,5%	13,7%	96,8%	88,3%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	96,2%	6,2%	87,0%	56,6%
Cộng miền Trung		8.668.699	1.169.017	97,6%	93,6%	13,1%	94,4%	85,7%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,3%	91,9%	10,6%	96,7%	90,3%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	93,4%	12,6%	95,9%	81,6%
42	Đắk Lắk	1.263.947	206.278	99,1%	92,9%	8,4%	86,2%	78,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,4%	97,6%	14,5%	98,7%	94,6%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	509.383	100,0%	93,6%	10,8%	92,5%	83,1%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	99,2%	56,3%	86,7%	84,7%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	93,1%	41,3%	98,0%	96,5%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,0%	11,1%	60,7%	44,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,3%	30,5%	98,7%	94,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	99,9%	57,6%	100,0%	91,3%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	98,1%	9,5%	100,0%	89,3%
50	Tây Ninh	947.189	98.373	92,2%	87,2%	34,4%	90,6%	88,7%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,5%	98,9%	19,0%	96,3%	89,3%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	98,3%	1,3%	100,0%	97,8%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,1%	97,6%	12,1%	100,0%	93,2%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,3%	95,9%	13,5%	100,0%	98,2%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	82,6%	48,2%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	98,1%	24,4%	99,6%	94,5%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	90,4%	93,5%	5,5%	90,6%	72,1%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,2%	10,0%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,0%	94,4%	8,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	189.132	100,0%	96,4%	12,7%	88,0%	82,5%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	12,6%	100,0%	99,1%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,0%	97,1%	17,3%	97,4%	94,1%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,1%	95,2%	12,2%	100,0%	100,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
Cộng	miền Nam	28.115.078	3.422.881	100,0%	95,3%	28,4%	92,2%	84,5%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 31/01/2022 đến 16h00 ngày 01/02/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 633 lượt người (nhập cảnh: 375, xuất cảnh: 258).
- + Tuyến VN-TQ: 363 lượt người (nhập cảnh: 177, xuất cảnh: 186).
- + Tuyến VN-Lào: 66 lượt người (nhập cảnh 38, xuất cảnh: 28).
- + Tuyến VN-CPC: 204 lượt người (nhập cảnh 160; xuất cảnh: 44).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 100 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 10 người (VN-TQ: 10, VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 90 người (VN-TQ: 01; VN-Lào: 0, VN-CPC: 89).
 - + Số người trao trả: 0 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 30/01/2022 tới ngày 31/01/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 834 lượt người (nhập cảnh: 307 lượt người; xuất cảnh: 527 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 1.992 lượt người (nhập cảnh: 1.536 lượt người; xuất cảnh: 456 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 01/02, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 16 tin/bài tiếng Việt; 68 ảnh trong nước và quốc tế; gần 06 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh; công tác tiêm vaccine phòng COVID-19.

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tập trung thông tin/phản ánh Lãnh đạo Đảng, Chính phủ thăm, chúc Tết, động viên lực lượng y tế trên tuyến đầu chống dịch; Thủ tướng chỉ đạo khẩn trương cấp phép cho các hãng hàng không nước ngoài chở công dân Việt Nam về nước, trong đó có các địa bàn còn nhiều công dân “mắc kẹt”; diễn biến tình hình dịch COVID-19 trên các địa bàn, nhất là do biến thể Omicron; Bộ Y tế khuyến cáo các địa phương, nâng cao cảnh báo đối với người dân; công tác hỗ trợ các đối tượng khó khăn, trẻ em mồ côi do dịch COVID-19; công tác ứng phó, kiểm soát dịch và phục hồi kinh tế trên các địa bàn...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến dịch bệnh tại các nước/khu vực trên thế giới.

III. Bộ Thông tin và truyền thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 28/01, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.159.000 cuộc gọi (ngày 28/01 đã tiếp nhận và xử lý hơn 9 nghìn cuộc gọi).

18/1	19/1	20/1	21/1	22/1	23/1	24/1	25/1	26/1	27/1	28/1
14009	13653	13358	12380	10630	8634	10282	10334	9111	9859	9236

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 28/01/2022 đã tiếp nhận hơn 310 nghìn cuộc (ngày 28/01/2022 đã tiếp nhận 63 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 28/01/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 28/01/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	17/1	18/1	19/1	20/1	21/1	22/1	23/1	24/1	25/1	26/1	27/1	28/1
Cuộc gọi đến	61	79	75	51	52	42	46	65	53	59	92	63

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC- Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 34.649.525 (+ 142 ngàn so với 28/01/2022, tăng 19.016 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 36,12% dân số, 51,96% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ **3.709.590** điểm đăng ký

+ **137.603** điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: **235.786.886**

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 180.366.265

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 171.458.305
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 95,06%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.394.119
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

2.4 Triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến

Trung tâm công nghệ phòng chống Covid-19 Quốc gia đã phối hợp cùng triển khai Nền tảng hỗ trợ lấy mẫu và trả kết quả xét nghiệm theo hình thức điện tử trực tuyến tại một số địa phương: Tây Ninh; Bình Dương; Bắc Giang; Đồng Nai; Đồng Tháp; Cần Thơ; Vĩnh Long; Bà Rịa – Vũng Tàu... và 26 địa phương khác cũng đang trong quá trình tập huấn để chuẩn bị triển khai. Một số địa phương triển khai dữ liệu xét nghiệm tốt và có hiệu quả, điển hình là tỉnh Tây Ninh. Trên 90% dữ liệu kết quả xét nghiệm của Tây Ninh được số hoá trên Nền tảng, sẵn sàng chia sẻ và sử dụng.

- Tổng số mẫu nhập vào nền tảng hỗ trợ lấy mẫu 16.822.291 (tăng 56.884 người)

- Tổng số mẫu các địa phương nhập vào nền tảng cụ thể: 56.884 người

Hà Nội	8.042
Bắc Giang	32.866
Thừa Thiên Huế	4.023
Yên Bái	5.013
Đồng Nai	2.281
Quảng Bình	1.828
Thái Nguyên	1.247
An Giang	243
Bắc Ninh	472
Đồng Tháp	212
Quảng Trị	119
Bình Dương	139
Bình Phước	275
Khánh Hòa	30
Lào Cai	24
Vĩnh Phúc	31
Sóc Trăng	27
Bình Định	5
Đắk Nông	4
Cà Mau	3

- Tổng số kết quả xét nghiệm trả qua Bluezone/PCCovid của các tỉnh 6.638.837 (tăng 68.340 người)

Quảng Ninh 1.538

Hải Dương 242

Bãi Cháy	100
TPHCM	933
Bệnh viện đa khoa Quảng Ninh	990
Bình Định	69
Yên Bái	461
Lào Cai	1
Thái Nguyên	558
An Giang	61
Bắc Giang	54.999
Bắc Ninh	174
Bình Dương	66
Bình Phước	4
Đồng Nai	423
Đồng Tháp	182
Hà Nội	1258
Khánh Hòa	2
Quảng Bình	53
Sóc Trăng	5
Thừa Thiên Huế	614
Vĩnh Phúc	31
Bệnh viện ĐK Tư nhân Hùng Vương	6
CENTER LAB VIỆT NAM	1
Phòng khám đa khoa An Phúc - Trà Vinh	15
Bệnh viện quốc tế Hoàn Mỹ	551
Bệnh viện sản nhi TWG Long An	25
SOVICO	1250
Bệnh viện đa khoa Hoàng Tuấn - Sóc Trăng	7
Bệnh viện Hồng Ngọc	789
Bệnh viện Hoàn Mỹ Thủ Đức	1
Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	3
Bệnh viện Nhi đồng 2	336
Phòng khám đa khoa Hòa Hảo	196
Bệnh viện thành phố Thủ Đức	38
Bệnh viện Vinmec Times City	1.792
Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng	154
Bệnh viện Labhouse	276
Bệnh viện phổi Trung ương - Hà Nội	136

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.

- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19, tiếp tục tuyên truyền về Nghị quyết 128 về “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” của Chính phủ và Quyết định 4800 của Bộ Y tế; truyền thông phòng, chống dịch theo Kế hoạch truyền thông của Tiểu ban Truyền thông với thông điệp “*Linh hoạt thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả, bảo vệ sức khỏe, tính mạng và sinh hoạt bình thường của nhân dân, vì một Tết Nhâm Dần sum họp, an toàn*”.

- Tuyên truyền việc phục hồi, phát triển kinh tế của bộ, ngành, địa phương bên cạnh việc chống dịch, “thích ứng” trong trạng thái “bình thường mới”.

- Tuyên truyền nỗ lực và ứng phó của một số địa phương có các ca nhiễm tăng cao, thích ứng an toàn, duy trì “mục tiêu kép”.

- Báo chí tăng cường khuyến cáo, nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan, xem nhẹ các biện pháp phòng, chống dịch, dù tiêm đủ vắc-xin vẫn bị mắc và lây nhiễm cho người khác; hướng dẫn điều trị F0 tại nhà.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

- Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ, Thủ tướng Phạm Minh Chính cho biết, khi chưa có đủ vắc-xin, chúng ta buộc phải áp dụng các biện pháp hành chính và điều này ảnh hưởng tới các hoạt động kinh tế - xã hội. Đến nay, khi đã đạt độ bao phủ vắc-xin, đúc kết được các kinh nghiệm, công thức, phương châm phòng chống dịch, chúng ta mạnh dạn, tự tin mở cửa trở lại, nếu cứ chờ đợi thì sẽ lỡ nhịp phát triển.

- Bộ Y tế đề nghị các địa phương căn cứ vào việc đánh giá cấp độ dịch trên địa bàn (đến tận cấp xã) để chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể sớm đưa học sinh trở lại trường để tổ chức dạy học trực tiếp.

- Báo chí chia sẻ ý kiến của các chuyên gia y tế cho rằng, việc dịch có lây lan rộng hay không phụ thuộc rất lớn vào việc đáp ứng, sự quyết liệt phòng dịch của các địa phương và sự tự giác của người dân, nhất là các hoạt động lễ hội, liên hoan cần được kiểm soát.

- Trong hướng dẫn mới nhất, Bộ Y tế bổ sung nhóm F0 không triệu chứng vào phân phân loại mức độ bệnh COVID-19, bên cạnh 4 nhóm nhẹ, trung bình, nặng và nguy kịch.

- Về ngoại giao vắc-xin, báo chí có những bài viết đánh giá: Từ một nước tiếp cận vắc-xin chậm, tỷ lệ tiêm chủng thấp nhất trong khu vực, Việt Nam đã xoay chuyển tình thế, trở thành nước có số lượng tiêm và tốc độ tiêm chủng nhanh hàng đầu thế giới. Đến nay, Việt Nam đã tiếp nhận trên 209,6 triệu liều vắc-xin, trong đó đã vận động và tiếp nhận được trên 76,4 triệu liều từ trên 30 quốc gia, vùng lãnh thổ qua COVAX và viện trợ song phương.

- Để kịp thời động viên các chiến sĩ áo trắng khi Tết đến, Xuân về, tổ chức Công đoàn các cấp đã có nhiều hoạt động chăm lo, tiếp sức cho lực lượng tuyến đầu chống dịch.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc xem xét mở cửa rạp chiếu phim từ cuối tháng 01.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

+ Toàn bộ 22 quận, huyện, thành phố đều đạt cấp độ dịch 1 - vùng xanh (nguy cơ thấp), không có địa phương vùng vàng, vùng cam, vùng đỏ.

+ Các quận, huyện, thành phố xây dựng kế hoạch thiết lập các trạm y tế lưu động, tổ chăm sóc người nhiễm bệnh tại cộng đồng và có kế hoạch cung cấp ô xy y tế cho các trạm y tế xã, phường, thị trấn.

+ Thành phố tổ chức 25 điểm tiêm vắc-xin trong suốt kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Mục tiêu là tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng vắc-xin liều bổ sung và nhắc lại để tăng cường miễn dịch, hiệu quả phòng bệnh cho người dân. Người dân được tạo mọi điều kiện thuận lợi để tiêm vắc-xin, không phân biệt hộ khẩu, không cần đăng ký trước.

+ Sau những ngày tháng miệt mài chống dịch, một số bệnh viện điều trị COVID-19 đã tổ chức tất niên sớm cho hàng trăm nhân viên y tế, tình nguyện viên.

- **Lâm Đồng:** Cho phép chợ đêm Đà Lạt hoạt động trở lại, đây là chủ trương kịp thời, đáp ứng nguyện vọng của hàng trăm tiểu thương kinh doanh tại chợ sau nhiều tháng phải đóng cửa do dịch.

- **Long An:** Các cơ sở giáo dục thực hiện công tác chuẩn bị đón trẻ trở lại trường học trực tiếp; ban phụ huynh phối hợp với nhà trường triển khai chăm sóc, giáo dục trẻ.

(4) Công tác phòng, chống dịch tại Hà Nội và một số địa phương:

- Hà Nội:

+ Báo chí chia sẻ hình ảnh các y bác sĩ Bệnh viện Đại học Y Hà Nội tổ chức gói bánh chưng cho các y bác sĩ ở lại trực Tết Nguyên đán tại Bệnh viện.

+ Sở Y tế cho biết, kể từ khi bắt đầu thực hiện tiêm vắc-xin đến nay, toàn Thành phố đã triển khai tiêm 14.646.506 mũi tiêm; chỉ còn 1/1.290 điểm phong tỏa.

+ Các hoạt động như giám sát người nhập cảnh, xét nghiệm, tiêm chủng, tổ chức điều trị tại bệnh viện, cơ sở thu dung và hỗ trợ người bệnh điều trị tại nhà vẫn đang được ngành y tế phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người dân.

+ Các chuyên gia nhận định, 3 nhóm nguy cơ chính khiến bệnh nhân dễ tử vong gồm: chưa tiêm vắc-xin, người cao tuổi và có bệnh nền. Hà Nội cần đưa ra những giải pháp đồng bộ dựa trên những yếu tố nguy cơ này.

- **Hà Nam:** Yêu cầu lực lượng y tế, công an, quân đội... chuẩn bị sẵn sàng nhân lực, trang thiết bị, vật tư y tế theo phương châm “bốn tại chỗ” để đáp ứng kịp thời với các tình huống dịch bệnh.